TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số:06/2023/HS-PT Ngày: 08-02-2023	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đức Cảnh

Ông Lê Hoài Nam

- Thư ký phiên toà: Bà Đặng Thị Thu Hường - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Nam Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 92/2022/TLPT-HS ngày 29 tháng 12 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2023/QĐXXPT-HS ngày 27 tháng 01 năm 2023 đối với bị cáo Lê Văn D, do có kháng cáo của bị cáo và bị hại đối với bản án hình sự sơ thẩm số 76/2022/HS-ST ngày 18-11-2022 của Toà án nhân dân huyện Hải Hậu.

- Bị cáo kháng cáo:

Họ và tên: Lê Văn D, sinh năm 1967; tên gọi khác: Không; giới tính: Nam; nơi sinh và cư trú: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nguyên là cán bộ văn phòng Ủy ban nhân dân xã H; là Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam (đã bị đình chỉ sinh hoạt); trình độ học vấn: 12/12; con ông: Lê Văn K và con bà Lê Thị T (đều đã chết); gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ bảy; có vợ là Vũ Thị M, có 02 con, con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 10-01-2022, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Nam Định.

- Bị hại:

1. Bà Trần Thị T; sinh năm 1949; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

2. Bà Phạm Thị H; sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam

Định.

3. Ông Trần Văn C; sinh năm 1950; địa chỉ: Xóm C, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

4. Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1973; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Anh Nguyễn Văn T; sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm 1, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

2. Ông Mai Văn C; sinh năm 1958; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

3. Ông Trần Văn V; sinh năm 1959; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

4. Anh Phạm Thanh T; sinh năm 1982; địa chỉ: Xóm T, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

5. Bà Vũ Thị L; sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

6. Chị Nguyễn Ngọc T; sinh năm 1994; địa chỉ: Xóm 1, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

7. Anh Lê Văn D; sinh năm 1992; địa chỉ: Xóm X, xã H, huyện H, tỉnh Nam Định.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Lã Thị N.

2. Anh Nguyễn Văn H.

3. Anh Hoàng Văn T

4. Ông Nguyễn Văn V.

5. Anh Trần Văn V

6. Ông Phạm Công T.

7. Chị Phạm Thị L.

8. Ông Phạm Thanh S.

9. Ông Phạm Văn H.

10. Chị Lâm Thị Kim D.

11. Chị Vũ Thị Lan H.

12. Anh Lâm Quang Bá.

13. Chị Nguyễn Thị V.

14. Anh Vũ Tiến K.

15. Anh Phạm Văn V.

16. Anh Phạm Văn C.

Tại phiên tòa: Có mặt bị cáo, ông C, bà H; vắng mặt bà T, anh Trường, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2018 đến năm 2020, Lê Văn D giữ chức danh Địa chính - Nông nghiệp - Xây dựng xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định. Ngoài Luật và các văn bản dưới luật, chức năng, nhiệm vụ của chức danh trên còn được thể chế hóa tại Quyết định ban hành kèm Quy chế thực hiện của Ủy ban nhân dân (UBND) xã Hải Hòa theo từng giai đoạn. Tại bộ phận hành chính một cửa, UBND xã Hải Hòa phân công bị cáo tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả đối với các việc có liên quan nhiệm vụ được giao nói chung và đối với việc người sử dụng đất yêu cầu thực hiện các quyền sử dụng đất trong phạm vi xã Hải Hòa. Mặc dù nhận thức rõ chức năng, nhiệm vụ được giao nhưng vì vụ lợi, Lê Văn D đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn làm trái công vụ, cụ thể:

Vụ việc thứ nhất:

Bà Trần Thị T được giao sử dụng thửa đất số 142, tờ bản đồ số 20, diện tích 2550 m^2 xã Hải Hòa nhưng chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Do có nhu cầu chuyển nhượng thửa đất trên và nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất (QSDĐ) từ người khác nên khoảng tháng 11-2019, bà T gặp D nhờ làm tất cả các thủ tục để được cấp GCNQSDĐ và thực hiện giao dịch chuyển nhượng, nhận chuyển nhượng QSDĐ. Tại phòng làm việc, bà T đưa cho D số tiền 200.000.000 đồng để nhờ làm các công việc trên.

Sau khi nhận tiền từ bà T, D tự lập và hoàn thiện toàn bộ hồ sơ cấp GCNQSDĐ lần đầu, lấy chữ ký của những người có liên quan, trình ông Phạm Thanh Sơn - Chủ tịch UBND xã Hải Hoà ký. Ngày 24-02-2020, D mang hồ sơ xin cấp GCNQSDĐ của bà T đến nộp tại bộ phận hành chính một cửa của UBND huyện Hải Hậu. Đầu tháng 3-2020, D đến bộ phận hành chính một cửa UBND huyện Hải Hậu nhận thông báo kèm hồ sơ bà T phải nộp tại Chi cục Thuế, D đã nhờ con trai là Lê Văn D mang hồ sơ đến Chi cục thuế huyện Hải Hậu nộp hồ sơ, nộp thuế cho bà T và ngày 12-3-2020, D nhờ Duyên đến Chi cục thuế huyện Hải Hậu nhận kết quả, đem nộp lại tại bộ phận một cửa UBND huyện Hải Hậu.

Ngày 24-3-2020, bà T được UBND huyện Hải Hậu cấp GCNQSDĐ số CU 336790, D đến ký nhận và đưa về nhà.

Tháng 9-2020, anh Nguyễn Văn Toản, anh Nguyễn Văn T (nhận chuyển nhượng đất từ bà T) đến phòng làm việc của D tại UBND xã Hải Hoà đặt vấn đề nhờ D làm toàn bộ thủ tục nhận chuyển nhượng đất từ bà T. Sau khi tính toán, D thông báo chi phí mỗi người phải nộp khoảng 14.000.000 đồng. D soạn thảo hồ sơ đưa bà T và những người có liên quan ký; trình Chủ tịch UBND xã Hải Hoà chứng thực. Ngày 11-9-2020, D trực tiếp mang hồ sơ chuyển nhượng QSDĐ từ bà T sang cho anh Toản, anh Tuynh nộp tại phòng hành chính một cửa huyện Hải Hậu; nhận thông báo kèm hồ sơ nộp thuế, D nhờ con trai là Lê Văn D đi nộp thuế, nhận kết quả từ Chi cục Thuế; nộp hồ sơ đã thực hiện nghĩa vụ thuế về lại bộ phận tiếp nhận tại phòng một cửa UBND huyện Hải Hậu. Ngày 19-10-2020, tại nơi nộp hồ sơ, D ký nhận bàn giao 03 GCNQSDĐ tên bà T, anh Toản, anh Tuynh. Tại phòng làm việc ở trụ sở UBND xã Hải Hòa, anh Toản và anh Tuynh, mỗi người nộp cho bị cáo số tiền 14.000.000đ và nhận lại GCNQSDĐ mới được cấp.

Khoảng tháng 12-2020, D tiếp tục làm hồ sơ nhận chuyển nhượng QSDĐ từ ông Vinh sang cho bà T. Sau khi đưa các bên liên quan giao dịch ký, bị cáo trình Chủ tịch UBND xã Hải Hoà ký chứng thực. Cũng với quy trình như trên, ngày 31-12-2020, D trực tiếp nộp bộ hồ sơ này tại bộ phận hành chính một cửa huyện Hải Hậu; nhận thông báo và hồ sơ nộp thuế; nộp hồ sơ và nghĩa vụ thuế cho bà T, ông Vinh; nhận kết quả từ thuế và nộp lại bộ phận một cửa UBND huyện Hải Hậu để hoàn tất thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà T. Ngày 02-02-2021, D đến phòng một cửa UBND huyện Hải Hậu nhận bàn giao 02 GCNQSDĐ. Khi giao GCNQSDĐ cho bà T, D thông báo toàn bộ chi phí các giao dịch mà bà T nhờ D làm hết 70.000.000đ và trả lại cho bà T số tiền 130.000.000đ. Bà T nhận tiền thừa, tự nguyện biếu D 10.000.000đ.

Trên thực tế, tổng số tiền phí, lệ phí, chi phí khác mà bà T phải nộp khi thực hiện các quyền về đất, gồm: Nhận thừa kế, chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng theo quy định chung là 8.695.800đ. Anh Nguyễn Văn Toản phải nộp nghĩa vụ theo quy định là 10.673.900đ; anh Nguyễn Văn T phải nộp 10.838.900đ. Lê Văn D đã chiếm hưởng của bà Trần Thị T số tiền 61.304.200đ, anh Nguyễn Văn Toản 3.326.100đ và anh Nguyễn Văn T 3.161.100đ.

Vụ thứ hai:

Khoảng đầu tháng 4-2020, bà Phạm Thị H được chị gái là bà Trần Thị Nhì (xóm Xuân Phong, xã Hải Hòa) tặng cho QSDĐ thửa số 73, tờ bản đồ 15, diện tích 316 m^2 (đất vườn) tại xóm Xuân Phong, xã Hải Hòa. Giữa tháng 4-2020, bà H đến UBND xã Hải Hòa đặt vấn đề nhờ D làm toàn bộ thủ tục nhận chuyển nhượng thửa đất. D tính toán và thông báo cho bà H nộp 15.000.000 đồng. D làm toàn bộ hồ sơ tặng cho QSDĐ giữa bà Nhì và bà H, đưa các bên có liên quan ký, trình Chủ tịch UBND xã Hải Hoà chứng thực.

Ngày 25-5-2020, D đưa hồ sơ đã lập nộp tại bộ phận hành chính một cửa huyện Hải Hậu; nhận thông báo và hồ sơ nộp thuế sau 03 ngày. D nhờ con trai Lê Văn D đến Chi cục thuế huyện Hải Hậu nộp hồ sơ, thực hiện các nghĩa vụ theo quy định cho bà Nhì, bà H và nhận kết quả trả hồ sơ từ Chi cục Thuế. D mang kết quả từ Chi cục Thuế nộp lại tại bộ phận hành chính một cửa UBND huyện Hải Hậu. Ngày 24-6-2020, D nhận bàn giao 01 GCNQSDĐ tên bà H tại bộ phận một cửa UBND huyện Hải Hậu. Khi giao GCNQSDĐ cho bà H, D không thông báo cho bà H biết số tiền cụ thể mà bà H phải thực hiện theo quy định của Nhà nước.

Thực tế, tổng số tiền bà H phải nộp để làm thủ tục nhận chuyển nhượng QSDĐ từ bàn Nhì theo quy định là 2.540.000đ. Số tiền Lê Văn D nhận từ bà H là 15.000.000đ, đã chiếm hưởng của bà Phạm Thị H số tiền 12.460.000đ.

Vụ thứ ba:

Tháng 4-2019, ông Trần Văn C đến phòng làm việc tại UBND xã Hải Hòa đặt vấn đề nhờ D chuyển mục đích sử dụng đối với diện tích đất 687 m^2 từ đất vườn, ao sang đất ở và làm thủ tục tách thửa, tặng cho con trai là Trần Văn Vinh. D thông báo cho ông C toàn bộ chi phí hết 140.000.000 đồng. Ông C giao trước cho bị cáo số tiền 70.000.000 đồng, số tiền còn lại ông C phải thanh toán khi hoàn tất các thủ tục.

Bị cáo làm các thủ tục hồ sơ chuyển mục đích sử dụng đất theo yêu cầu của ông C, đưa các bên liên quan ký, trình Chủ tịch UBND xã Hải Hoà ký. Ngày 09-4-2019, D mang hồ sơ đến nộp tại bộ phận hành chính một cửa UBND huyện Hải Hậu; nhận thông báo và hồ sơ nộp thuế. D nhờ con trai Lê Văn D đến Chi cục thuế huyện Hải Hậu nộp hồ sơ về thuế của ông C. D tự đi nộp thuế thay cho ông C và nộp kết quả nhận từ Chi cục Thuế tại bộ phận hành chính một cửa UBND huyện Hải Hậu. Ngày 11-5-2019, ông C đã được phê duyệt chuyển mục đích sử dụng đất, bị cáo tiếp tục làm thủ tục hồ sơ tặng cho QSDĐ này từ ông C sang cho anh Vinh. Sau khi hoàn thiện hồ sơ, D đưa các bên liên quan ký, trình Chủ tịch UBND xã Hải Hoà chứng thực. Ngày 20-5-2019, D mang hồ sơ đến nộp tại bộ phận hành chính một cửa huyện Hải Hậu; nhận trả kết quả sau 03 ngày; nhờ con trai Lê Văn D nộp hồ sơ và thực hiện nghĩa vụ thay cho ông C, anh Vinh tại thuế, nhận kết quả trả hồ sơ từ Chi cục Thuế. D đem hồ sơ đã hoàn tất thủ tục từ Chi cục thuế nộp lại cho bộ phận một cửa UBND huyện Hải Hậu và trực tiếp nhận bàn giao 02 GCNQSDĐ tên ông C, anh Vinh vào ngày 28-5-2019. D đưa 02 GCNQSDĐ cho ông C và nhận từ ông C số tiền 70.000.000đ.

Thực tế, tổng số tiền ông C phải thực hiện để làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất và tặng cho QSDĐ theo quy định là 114.087.704đ. Bằng việc làm toàn bộ các công việc khi thực hiện quyền của người sử dụng đất thay cho ông C, Lê Văn D đã chiếm hưởng của ông C số tiền 25.912.296đ.

Vụ thứ tư:

Anh Nguyễn Văn T được mẹ vợ là bà Lã Thị Ngào tặng cho một phần thửa đất số 389, tờ bản đồ số 21, diện tích 278 m^2 tại xóm Xuân Hòa Đông, xã Hải Hòa. Cùng thời điểm này, bà Ngào có nhu cầu chuyển nhượng QSDĐ cho anh Nguyễn Văn Hùng và anh Hoàng Văn Thiệu. Khoảng tháng 03-2017, anh Trường, anh Thiệu, anh Hùng đến phòng làm việc của D tại UBND xã Hải Hòa đặt vấn đề nhờ D làm toàn bộ thủ tục về đất cho bà Ngào. Theo thỏa thuận, sau khi anh Trường, anh Hùng, anh Thiệu được cấp GCNQSDĐ thì anh Trường sẽ thanh toán mọi chi phí theo yêu cầu của D. D soạn thảo và hoàn thiện hồ sơ cho bà Ngào, đưa các bên liên quan ký, trình Chủ tịch UBND xã Hải Hòa chứng thực. Ngày 23-3-2017, D mang toàn bộ hồ sơ về đất của bà Ngào đến bộ phận một cửa của UBND huyện Hải Hậu nộp; trực tiếp nhận trả kết quả và mang đến Chi cục thuế huyện Hải Hậu nộp. Sau khi có thông báo nộp thuế từ Chi cục thuế huyện, D thông báo cho anh Trường, anh Thiệu, anh Hùng đưa tiền cho D nộp thuế. Do không có tiền nộp theo yêu cầu của D nên anh Trường không tiếp tục nhờ D làm thủ tục nhận tặng cho QSDĐ từ bà Ngào, còn anh Thiệu, anh Hùng đưa tiền đúng theo thông báo nộp thuế, tiếp tục nhờ D hoàn thiện các thủ tục để được cấp GCNQSDĐ. Do thời gian đã lâu nên anh Thiệu, anh Hùng không nhớ rõ số tiền nộp thuế là bao nhiêu. Đối với hồ sơ tặng cho QSDĐ từ bà Ngào cho anh Trường, mặc dù anh Trường không nộp tiền theo yêu cầu, nhưng D đã tự bỏ tiền nộp thuế cho anh Trường và tiếp tục nộp lại hồ sơ nhận từ Chi cục Thuế về bộ phận một cửa UBND huyện Hải Hậu. Ngày 16-5-2017, D nhận bàn giao 03 GCNQSDĐ tên anh Trường, anh Thiệu, anh Hùng. Tuy nhiên, do có sự thay đổi về vị trí, diện tích nên anh Thiệu, anh Hùng tiếp tục nhờ D làm lại hồ sơ và các thủ tục có liên quan. Cũng với quy trình trên, D trực tiếp lập, hoàn thiện hồ sơ nộp tại bộ phận một cửa UBND huyện Hải Hậu, đứng ra nộp thuế cho anh Trường, anh Thiệu, anh Hùng. Ngày 07-3-2018, anh Trường, anh Thiệu, anh Hùng được cấp GCNQSDĐ thì D đến bộ phận hành chính một cửa huyện Hải Hậu để nhận, sau đó trả cho anh Thiệu, anh Hùng, còn GCNQSDĐ tên anh Trường do anh Trường chưa đưa tiền nên D giữ lại.

Khoảng tháng 7-2020, anh Trường đến UBND huyện Hải Hậu trích lục thửa đất thì được biết thửa đất bà Ngào cho anh đã được cấp GCNQSDĐ năm 2018. Ang Trường gặp D để nhận GCNQSDĐ thì D thông báo toàn bộ chi phí thủ tục hồ sơ về đất hết 24.200.000đ. Anh Trường nộp tiền cho D đồng thời đến Chi cục thuế huyện Hải Hậu đề nghị cung cấp số tiền phải nộp khi làm thủ tục về đất thì được thông báo về tiền thuế trước bạ nhà, đất là 240.000đ. D trả lại anh Trường số tiền 7.000.000đ, còn lại 17.200.000đ D lấy lý do đã chi phí hết khi làm thủ tục. Thực tế, tổng số tiền mà anh Trường phải nộp theo quy định là 3.854.550đ, số tiền D chiếm hưởng của anh Trường là 13.345.450 đồng.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 76/2022/HS-ST ngày 18-11-2022 của Toà án nhân dân huyện Hải Hậu đã quyết định:

Căn cứ điểm b khoản 2, khoản 4 Điều 356; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 32, Điều 38 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn D phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ";

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn D 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2022;

Buộc bị cáo Lê Văn D phải nộp phạt bổ sung số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 27-11-2022 bị cáo Lê Văn D có đơn kháng cáo với nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ là đúng người, đúng tội, nhưng mức hình phạt 06 năm 06 tháng tù là quá cao, đề nghị Tòa án xét xử phúc thẩm xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt để bị cáo sớm được trở về hòa nhập với cộng đồng làm người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

Ngày 23-11-2022 ông Trần Văn C là người bị hại trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Do có nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất ông đã nhờ bị cáo làm giúp thủ tục và tự nguyện đưa tiền chi phí đi lại cho bị cáo. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo 06 năm 06 tháng tù là quá nặng, đề nghị cấp phúc thẩm xem xét giảm hình phạt cho bị cáo.

Ngày 25-11-2022 bà Phạm Thị H là người bị hại trong vụ án có đơn kháng cáo với nội dung: Sổ đỏ của bà lẽ ra phải là đất ở, bị cáo vẽ ra đất ao, đề nghị làm rõ thiệt hại giữa đất ở và đất ao buộc bị cáo và các đồng phạm bồi thường thiệt hại và tăng hình phạt đối với bị cáo.

Tại phiên toà phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày: Bị cáo rất hối hận với việc đã làm, đã nhờ gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại, nộp khoản tiền phạt, nhân thân bị cáo lần đầu phạm tội, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn con gái bị tàn tật, tâm thần, bị cáo có 02 anh trai là liệt sỹ, mẹ đẻ là mẹ Việt Nam anh hùng, bị cáo đang trực tiếp thờ cúng mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại ông Trần Văn C trình bày: Ông không có điều kiện tự mình làm các thủ tục xin cấp GCNQSDĐ đã đến nhờ bị cáo làm giúp, bị cáo đồng ý và không có đòi hỏi, ép buộc gì, khi làm xong ông rất vui mừng, vì vậy khi bị cáo bảo trả lại ông tiền còn thừa ông đã tự nguyện không lấy để cảm ơn bị cáo đã giúp đỡ, ông

chưa bao giờ đề nghị xử lý bị cáo, tự nhiên có người đến lấy lời khai, nay lại còn xác định ông là người bị hại ông không nhất trí, ông yêu cầu làm rõ ai là người đội lốt ông làm đơn tố cáo, theo ông bị cáo D không lừa dối, ép buộc gì ai, đều do người dân có việc tự tìm đến nhờ bị cáo làm giúp, nay lại xử phạt bị cáo tới 06 năm 06 tháng tù là quá nặng, ông đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại bà Phạm Thị H trình bày: Bà nhận tặng cho đất vườn của chị gái khoảng năm 1995, sau đó năm 1998 bà đã làm nhà ở, vì thời điểm đó bà không có tiền nên chưa làm thủ tục tách đất, cũng không làm thủ tục xin phép khi xây dựng, đến năm 2020 bà đến nhờ bị cáo D làm thủ tục tách thửa bà đã đưa 15.000.000đồng bà cứ nghĩ thửa đất của bà đã có nhà ở phải được cấp GCNQSDĐ là đất ở, khi nhận GCNQSDĐ bà cũng không xem lại, nay bà mới biết GCNQSDĐ của bà ghi là đất vườn ao bà không nhất trí, bà yêu cầu D và những người ký làm thủ tục cấp GCNQSDĐ cho bà phải bồi thường thiệt hại cho bà 190.000.000đồng là khoản tiền chênh lệch giữa đất ở và đất vườn, ao.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định phát biểu quan điểm: Đơn kháng cáo của bị cáo, các bị hại hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về nội dung: Tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình tình tiết mới thể hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có 01 con bị tàn tật, tâm thần, bị cáo có 02 anh trai là liệt sỹ, bị cáo đã tác động nhờ gia đình nộp toàn bộ số tiền phạt theo bản án sơ thẩm, đây là những tình tiết mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét, như vậy bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy đinh tại khoản 1 Điều 51 BLHS và nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị cáo và bị hại Trần Văn C, sửa bản án sơ thẩm giảm cho bị cáo từ 21 đến 30 tháng tù. Đối với kháng cáo của bị hại Phạm Thị H, GCNQSDĐ của bà H ghi là đất vườn, ao là do bà H nhận tặng cho đất có nguồn gốc là đất vườn của chị gái, tại thời điểm bà H nhận đất không làm thủ tục tách thửa, khi đó bị cáo cũng chưa làm công tác địa chính, sau đó chưa khi nào bà H làm thủ tục chuyển mục đích sử dụng đất, việc GCNQSDĐ của bà H ghi là đất vườn, ao là đúng, không phải do lỗi của bị cáo, nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị cáo, các bị hại làm trong thời hạn luật định, được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân, Toà án cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự,

thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS). Quá trình điều tra và tại phiên toà, bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, có căn cứ xác định các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng của cấp sơ thẩm đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo thấy rằng: Từ năm 2018 đến năm 2020, Lê Văn D là cán bộ địa chính xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định đã có hành vi lợi dụng chức vụ, quyền hạn nhận tổng số tiền 379.200.000 đồng để làm các thủ tục liên quan đến việc thực hiện các quyền của người sử dụng đất như chuyển đổi mục đích sử dụng đất, tách thửa, chuyển nhượng, tặng cho... của 04 hộ dân không đúng quy định pháp luật, chiếm hưởng trái phép tổng số tiền 113.021.946 đồng. Cụ thể, D nhận làm thủ tục xin cấp GCNQSDĐ, chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng QSDĐ cho bà T, nhận của bà T 200.000.000 đồng, thực hiện nghĩa vụ hết 8.695.800đ, trả lại bà T 130.000.000đồng, chiếm hưởng 61.304.200 đồng; nhận làm thủ tục chuyển nhượng cho bà Phạm Thị H, nhận từ bà H số tiền 15.000.000 đồng, thực hiện nghĩa vụ cho bà H hết 2.540.000đ, chiếm hưởng 12.460.000 đồng; nhận chuyển đổi mục đích, làm thủ tục tách thửa, tặng cho QSDĐ cho ông Trần Văn C, nhận của ông C số tiền 140.000.000 đồng, thực hiện nghĩa vụ cho ông C hết 114.087.704đ, chiếm hưởng 25.912.296 đồng; nhận làm thủ tục tặng cho, tách thửa cho anh Nguyễn Văn T, nhận của anh Trường số tiền 24.200.000 đồng, thực hiện nghĩa vụ cho anh Trường hết 3.854.550đ, trả lại cho anh Trường 7.000.000đ, chiếm hưởng 13.345.450 đồng. Bị cáo là người có chức vụ, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hậu quả do hành vi của mình gây ra nhưng vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội. Nên, cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 356 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Về mức hình phạt: Bị cáo là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, sau khi phạm tội, bị cáo đã khắc phục toàn bộ thiệt hại, tự nguyện hoàn trả số tiền chiếm hưởng trái phép cho các cá nhân. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được nhiều bị hại tham gia phiên tòa xin giảm nhẹ hình phạt, có mẹ đẻ được công nhận danh hiệu "Mẹ Việt Nam anh hùng". Mặt khác, tại cấp phúc thẩm bị cáo xuất trình tình tiết mới thể hiện hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn có 01 con bị tàn tật, tâm thần, không có khả năng lao động, sống hoàn toàn phụ thuộc vào gia đình, có 02 anh trai là liệt sỹ, bị cáo đang trực tiếp thờ cúng, đồng thời bị cáo đã tác động nhờ gia đình nộp toàn bộ số tiền phạt theo bản án sơ thẩm, đây là những tình tiết mới chưa được cấp sơ thẩm xem xét. Như vậy, bị cáo được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1 Điều 51 BLHS và có nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, nên có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo, bị hại Trần Văn C và quan điểm của vị đại

diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Nam Định tại phiên tòa, sửa án sơ thẩm, giảm cho bị cáo một phần hình phạt, thể hiện bản chất nhân đạo khoan hồng của pháp luật, bảo đảm chính sách hình sự đối với thân nhân của các liệt sỹ, mẹ Việt Nam anh hùng, những người có nhiều công lao với cách mạng. Đối với kháng cáo của bị hại Phạm Thị H, GCNQSDĐ của bà H ghi đất vườn, ao là do nguồn gốc đất bà H nhận tặng cho của chị gái là đất vườn, sau đó bà H không làm thủ tục tách thửa kịp thời và không xin phép khi xây dựng, không phải do lỗi của bị cáo, nên không có căn cứ chấp nhận.

[4] Đối với quan điểm ông Trần Văn C không nhất trí xác định là bị hại thấy rằng: Mặc dù ông C không có đơn tố giác, vụ án được phát hiện thông qua công tác thanh tra. Song tài liệu điều tra đã xác định ông C là người bị thiệt hại do hành vi phạm tội của bị cáo, nên cấp sơ thẩm xác định ông C là người bị hại là phù hợp.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Do sửa án sơ thẩm, nên người kháng cáo không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 BLTTHS,

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Văn D và ông Trần Văn C, không chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị H, sửa bản án sơ thẩm,

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 356; các điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm i khoản 1 Điều 52; Điều 32, Điều 38, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự,

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn D phạm tội "Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ";

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn D 04 (bốn) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10 tháng 01 năm 2022;

Xác nhận bị cáo đã chấp hành xong hình phạt bổ sung của bản án sơ thẩm, nộp đủ số tiền 20.000.000đồng (Hai mươi triệu đồng) theo biên lai thu tiền số 0002721 ngày 06-02-2023 của Chị cục thi hành án dân sự huyện Hải Hậu.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị;

2. Về án phí: Căn cứ điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 Ủy ban Thường vụ Quốc hội,

Bị cáo, ông Trần Văn C, bà Phạm Thị H không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người bị thi hành án có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, thời hiệu thi hành án thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Bị cáo; bị hại;
- VKSND-CA tỉnh Nam Định;
- TAND-VKS-CA huyện hải Hậu;
- Chi cục Thi hành án huyện hải Hậu;
- Trại tạm giam Công an tỉnh NĐ;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Bạch Tuyết